

Bản án số: 54/2022/HS-ST
Ngày 20-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hứa Quang Thông

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hồ Ngọc Thành
- Ông Nguyễn Hữu Phúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 55/2022/TLST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2022 đối với:

- Bị cáo Lê Tấn T, sinh năm 1989; tên gọi khác: Không; nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Tấn M, sinh năm 1944 (chết) và bà Nguyễn Thị Thu V, sinh năm 1944; có vợ Võ Thị D, sinh năm 1999 và có 02 người con, lớn sinh năm 2018, nhỏ sinh năm 2020; tiền án: Không; tiền sự: Không; tạm giữ: Không; tạm giam: Không; Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 37/LC-CSĐT, ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Công an huyện T.

Bị cáo hiện đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Nguyễn Đào Kim T, sinh năm 1980, *có mặt*.

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1993, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nghiêm Tú U, sinh năm 1986, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

4. Đỗ Thị Cẩm G, sinh năm 1992, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

5. Nguyễn Thị L, sinh năm 1980, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

6. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1989, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

7. Huỳnh Thị Diệu T, sinh năm 1992, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

8. Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1991, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

9. Huỳnh Thị H, sinh năm 1981, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

Nguyễn Văn C, sinh năm 1981, *có đơn xin vắng mặt*.

Địa chỉ: Tổ Y, ấp L, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng:*

1. Hồ Thị Thuý A, sinh năm 1988, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

2. Võ Thị D, sinh năm 1999, *vắng mặt*.

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1984, *vắng mặt*.

Địa chỉ: khóm A, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản trong giờ ra chơi tại các trường tiểu học và tiêm vắc xin ngừa Covid-19 tại Trạm y tế, từ ngày 03/3/2022 đến ngày 16/5/2022, Lê Tấn Triệu đã liên tiếp trộm cắp tài sản 08 vụ trên địa bàn các huyện T, T và T, cụ thể như sau:

- *Vụ thứ nhất:* khoảng 09 giờ ngày 03/3/2022, Triệu điều khiển xe mô tô biển số 66K1 - 093.97 từ nhà đến trường Tiểu học A thuộc ấp K, xã Aòa, huyện T, thấy học sinh đang ra chơi, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, đậu xe bên ngoài cổng trường đi bộ vào trong, thấy phòng Y tế không khóa cửa, không có người, T đi lại chỗ bàn làm việc, mở ngăn tủ, lục soát ba lô của cô Nguyễn Đào Kim T lấy trộm tiền và bao lì xì có chứa tiền, tẩu thoát ra ngoài điều khiển xe đến đoạn đường vắng, đếm được 9.300.000 đồng. Sau đó chị Nguyễn Đào Kim

T trình báo bị mất trộm số tiền 25.000.000 đồng, tiền để trong ba lô. Hồ Thị Thúy A cho rằng bị mất số tiền 4.500.000 đồng, tiền để trong túi xách, để trong cùng ngăn tủ để ba lô của cô T. Xét thấy, chỉ có lời khai chị T, chị A ngoài ra không còn chứng cứ khác chứng minh số tiền 25.000.000 đồng và 4.500.000 đồng nên xác định T chỉ lấy trộm tiền của chị T là 9.300.000 đồng. Đối với số tiền mất trộm 4.500.000 đồng của Hồ Thị Thúy A, giao cho Cơ quan cảnh sát điều tra làm rõ, xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: T thừa nhận trộm số tiền 9.300.000 đồng, nhưng đồng ý bồi thường cho Nguyễn Đào Kim T số tiền 25.000.000 đồng, đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận sự thỏa thuận trên.

- *Vụ thứ hai:* khoảng 07 giờ ngày 28/3/2022, Triệu điều khiển xe mô tô biển số 66K1 - 093.97 từ nhà hướng đi thành phố H, khi đến Trường Tiểu học A thuộc ấp P, xã A, huyện T, thấy học sinh đang ra chơi, T đậu xe trước cổng trường, đi bộ vào bên trong. Thấy phòng học lớp 1/1 không đóng cửa, không có người, trên bàn giáo viên có bóp da của cô Nguyễn Thị Hồng P, T vào lục bóp, trộm số tiền 2.700.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Triệu đồng ý bồi thường cho Nguyễn Thị Hồng P số tiền 2.700.000 đồng, P xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

- *Vụ thứ ba:* tiếp tục đến khoảng 13 giờ 30 phút, ngày 28/3/2022, T điều khiển xe mô tô đến Trường Tiểu học T thuộc khóm K, thị trấn T, thấy học sinh đang trong giờ ra chơi, T chạy xe vào sân Trường, đậu xe, đi bộ lên tầng lầu. Thấy phòng máy tính đã khóa bên ngoài nhưng cửa sổ không khóa, bên trong có túi xách của cô Nghiêm Tú U, T nhặt 2 cây sắt vuông tại cầu thang, nôi lại, dùng cây sắt kéo túi xách ra, lấy trộm số tiền 760.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Nghiêm Tú U không yêu cầu T bồi thường số tiền mất trộm, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

- *Vụ thứ tư:* sáng ngày 29/3/2022, T điều khiển xe biển số 66K1 - 093.97 từ nhà đến huyện T để sửa chữa, chấp vá la phong cho Nguyễn Văn Út E. Sửa chữa xong, Út E trả công 150.000 đồng, T điều khiển xe về nhà, khi đến trường Tiểu học B thuộc ấp B, xã B, huyện T, đang giờ ra chơi, T đậu xe trước cổng trường, lén lút vào trong. Đến phòng học lớp 2/3, thấy chỉ có vài học sinh, trên bàn giáo viên có túi xách của cô Đỗ Thị Cẩm G, T đi thẳng lại chỗ bàn giáo viên, nói với học sinh, cô kêu lấy tiền đi mua đồ ăn. T vừa lục soát túi xách, vừa quan sát có giáo viên vào phòng không, trộm được tiền, nhanh chóng tẩu thoát ra ngoài, điều khiển xe đến đoạn đường vắng, đếm được 2.800.000 đồng.

Sau đó, chị G trình báo bị mất trộm số tiền 4.850.000 đồng nhưng T khẳng định trộm 2.800.000 đồng. Xét thấy, chỉ có lời khai chị G không còn chứng cứ nào khác nên xác định số tiền bị cáo đã lấy trộm là 2.800.000 đồng là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: T thừa nhận trộm số tiền 2.800.000 đồng, nhưng đồng ý bồi thường cho Đỗ Thị Cẩm G số tiền 4.850.000 đồng, đề nghị Tòa án tuyên chấp nhận sự thỏa thuận trên. Đỗ Thị Cẩm G xin giảm nhẹ hình phạt cho T.

- *Vụ thứ năm:* sáng ngày 07/4/2022, T điều khiển xe biển số 66K1 - 093.97, từ nhà đến Trường Tiểu học P thuộc ấp L, xã P, huyện T. T thấy học sinh ra chơi, đậu xe trước cổng trường, đi bộ vào bên trong, đến phòng học lớp 2/3, thấy không có người, trên bàn giáo viên có túi xách của cô Nguyễn Thị L, T đi vào lục soát túi xách, trộm số tiền 6.200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Triệu đồng ý bồi thường cho Nguyễn Thị L số tiền 6.200.000 đồng.

- *Vụ thứ sáu:* sáng ngày 17/4/2022, T điều khiển xe biển số 66K1 - 093.97 đến chợ L thuộc ấp L, xã T, huyện T để đóng la phong cho Nguyễn Văn Út E, đóng xong nhận tiền công 100.000 đồng, T điều khiển xe về. Khi đến Trường Tiểu học T thuộc ấp K, xã T, huyện T, thấy học sinh ra chơi, T đậu xe trước cổng trường đi bộ vào trong, đến phòng học tiếng Anh thấy không có người, trên ghế gần chỗ bàn giáo viên có bóp da của cô Nguyễn Thị Ngọc T, Triệu vào lục bóp, trộm số tiền 2.400.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Triệu đồng ý bồi thường cho Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 2.400.000 đồng. Tt xin giảm nhẹ hình phạt cho Triệu.

- *Vụ thứ bảy:* Khoảng 07 giờ ngày 16/5/2022, T điều khiển xe mô tô biển số 66K1 - 093.97 đến Trạm Y tế xã P thuộc ấp K, xã P, thấy đang tổ chức tiêm vắc xin ngừa Covid 19 cho trẻ em, T đậu xe ở trước cổng rồi đi vào trong. T lén lút ra phía sau phòng khám, đến vị trí cửa sổ thấy ba lô của Huỳnh Thị Diệu T, nhặt 01 khúc dây gỗ dài khoảng 02 mét, kéo lấy ba lô ra ngoài, lục trộm số tiền 5.072.000 đồng. Triệu bỏ tiền vào túi quần và ra xe chạy về nhà, trên đường đi T sờ vào túi quần không thấy tiền, nghĩ tiền bị rơi nên quay xe lại tìm nhưng không gặp.

Về trách nhiệm dân sự: T đồng ý bồi thường cho Huỳnh Thị Diệu T số tiền 5.072.000 đồng.

- *Vụ thứ tám:* chiều ngày 16/5/2022, Triệu tiếp tục điều khiển xe biển số 66K1 - 093.97 di chuyển hướng đến xã P, huyện T khi đến Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở P thuộc ấp P, xã P, thấy học sinh ra chơi, T đậu xe trước cổng trường và đi bộ lên tầng lầu, phát hiện phòng phó Hiệu trưởng không có người trong phòng, không khóa cửa. T đi vào lục tìm tài sản, trộm số tiền 1.500.000 đồng của cô Huỳnh Thị H. Tiếp tục, T đi xuống tầng trệt, thấy phòng học không có người bên trong, có 01 bóp da của cô Nguyễn Thị Kim T đang để trên ghế chỗ bục giảng, 01 điện thoại di động đang sạc pin, Triệu lục bóp da trộm số tiền 3.000.000 đồng.

Đến ngày 18/5/2022, Lê Tấn T điều khiển xe mô tô đến địa bàn xã P để tìm tài sản lấy trộm, bị Công an phát hiện và mời về trụ sở làm việc. Qua làm việc, Triệu đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về trách nhiệm dân sự: T đồng ý bồi thường cho Huỳnh Thị H số tiền 1.500.000 đồng, bồi thường cho Nguyễn Thị Kim T số tiền 3.000.000 đồng. Huỳnh Thị H xin giảm nhẹ hình phạt cho T

Vật chứng thu giữ: Tiền Việt Nam: 500.000 đồng; 01 xe mô tô biển số 66K1-093.97, nhãn hiệu ZINDA, màu xám đen, số khung: 6H108737, số máy FMH-00180737, xe đã qua sử dụng.

Tại Cáo trạng số: 56/CT-VKS-TN ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Lê Tấn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Kiểm sát viên phân tích các tình tiết cấu thành tội phạm và khẳng định cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Tấn Triệu, phạm tội “Trộm cắp tài sản” mức án tù 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự và vật chứng: Giữ nguyên theo Cáo trạng.

Tuy nhiên, phân trách nhiệm dân sự của bị hại Nguyễn Đào Kim T. Trong quá trình điều tra bị hại T khai mất trộm số tiền 25.000.000đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 25.000.000đồng. Tại phiên tòa, bị cáo khẳng định chỉ lấy trộm số tiền là 9.300.000đồng, bị hại T cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh mất số tiền 25.000.000đồng nên bị hại T thống nhất số tiền bị mất trộm là 9.300.000đồng và chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền 9.300.000đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của bị hại T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mất trộm 9.300.000đồng là phù hợp.

Đối với bị hại Đỗ Thị Cẩm G, quá trình điều tra khai mất trộm số tiền 4.850.000đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền bị mất trộm này. Nay, theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/12/2022 bị hại G cho rằng chỉ chứng minh được số tiền bị mất trộm là 2.800.000đồng nên thống nhất là số tiền bị mất trộm này và bị hại G không yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền mất trộm này nên không xem xét.

- Bị cáo Lê Tấn T khai: Thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” như nội dung cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Bị cáo không tham gia tranh luận, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Bị hại Nguyễn Đào Kim T trình bày: Trước đây tại cơ quan điều tra T khai vào ngày 03/3/2022 bị mất trộm số tiền 25.000.000đồng và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền này. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại T cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình bị

cáo khó khăn và cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh mất số tiền 25.000.000đồng nên bị hại T thống nhất số tiền bị mất trộm là 9.300.000đồng và chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền 9.300.000đồng và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu chứng cứ sau: Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường tại Trường Tiểu học T, ngày 19/8/2022 của Công an huyện T; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường tại Trường Tiểu học T, ngày 19/5/2022 của Công an huyện T; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường tại Trường Tiểu học A, ngày 06/7/2022 của Công an huyện T; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường tại Trường Tiểu học A, ngày 19/5/2022 của Công an huyện T; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường tại Trường Tiểu học B, ngày 27/7/2022 của Công an huyện T; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường tại Trường Tiểu học P, ngày 19/5/2022 của Công an huyện T; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường tại Trường Tiểu học và Trung học cơ sở P, ngày 19/5/2022 của Công an huyện T; Biên bản xác định hiện trường, Sơ đồ hiện trường, Bản ảnh hiện trường tại Trạm y tế xã P, ngày 16/5/2022 của Công an huyện T; Lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, cùng toàn bộ chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Lê Tân T thực hiện “Trộm cắp tài sản” từ ngày 03/3/2022 đến ngày 16/5/2022 là 08 vụ trên địa bàn các huyện T, T và T, cụ thể: Ngày 03/3/2022, tại trường Tiểu học A thuộc ấp K, xã A, huyện T, trộm số tiền 9.300.000 đồng của Nguyễn Đào Kim T; ngày 28/3/2022, tại Trường Tiểu học A thuộc ấp P, xã A, huyện T, trộm số tiền 2.700.000 đồng của Nguyễn Thị Hồng P; ngày 28/3/2022, tại Trường Tiểu học T thuộc khóm H, thị trấn T, trộm số tiền 760.000 đồng của Nghiêm Tú U; ngày 29/3/2022, tại trường Tiểu học B thuộc ấp B, xã B, huyện T, trộm số tiền 2.800.000 đồng của Đỗ Thị Cẩm G; ngày 07/4/2022, tại Trường Tiểu học P thuộc ấp L, xã P. trộm số tiền 6.200.000 đồng của

Nguyễn Thị L; ngày 17/4/2022, tại Trường Tiểu học T thuộc ấp H, xã T, huyện T, trộm số tiền 2.400.000 đồng của Nguyễn Thị Ngọc T; ngày 16/5/2022, tại Trạm Y tế xã P thuộc ấp K, xã P, trộm số tiền 5.072.000 đồng của Huỳnh Thị Diệu T và ngày 16/5/2022, tại Trường Tiểu học và Trung học Cơ sở P thuộc ấp P, xã P, trộm số tiền 1.500.000 đồng của Huỳnh Thị H, trộm số tiền 3.000.000 đồng của Nguyễn Thị Kim T.

Tổng số tiền bị cáo T trộm cắp giá trị là 33.732.000 đồng.

Đối với hành vi bị cáo T trộm cắp tài sản 8 vụ. Xét thấy, bị cáo có nguồn thu nhập từ đi làm thuê, không sử dụng tiền phạm tội làm nguồn sống chính, trong khoảng thời gian từ ngày 03/3/2022 đến ngày 16/5/2022, bị cáo có đi làm thuê đóng la phong cho Nguyễn Văn Út E là 3 lần với tổng số tiền 520.000 đồng, do ít việc làm, nhất thời bị cáo trộm cắp tài sản để có tiền mua sữa, tã, thuốc cho 02 con nhỏ và mẹ vợ bị bệnh tâm, điên. Bị cáo trộm cắp tài sản không phải làm nguồn sinh sống chính nên không áp dụng tình tiết định khung có tính chất chuyên nghiệp đối với bị cáo là phù hợp.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, gây mất ổn định an ninh trật tự ở địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, mức hình phạt theo điều luật quy định phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[3] Hình phạt bổ sung: Xét thấy, bản thân bị cáo làm thuê thu nhập thấp nên không áp dụng.

[4] Quyền sở hữu tài sản hợp pháp của mỗi người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, bất kỳ ai xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật sẽ bị trừng trị. Tình hình tội phạm về trộm cắp tài sản và hậu quả gây mất an ninh trật tự xã hội hiện nay, gây phản nộ trong quần chúng nhân dân. Bản thân bị cáo có đủ năng lực hành vi nhận thức được điều này nhưng vì lười lao động muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội nhằm phục vụ cho lợi ích cá nhân. Qua đó, thấy được ý thức xem thường pháp luật của bị cáo nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tương xứng với nhân thân, tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại xin giảm nhẹ phạt; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn và thuộc hộ cận nghèo nên được xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình Sự. Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Trong quá trình điều tra, các bị hại Nguyễn Thị Hồng P yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.700.000 đồng; Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền

6.200.000đồng; Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.400.000đồng; Huỳnh Thị Diệu T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.072.000đồng; Huỳnh Thị H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.500.000đồng và Nguyễn Thị Kim T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 3.000.000đồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu các bị hại.

Đối với bị hại Nguyễn Đào Kim T, quá trình điều tra khai bị mất trộm số tiền 25.000.000đồng nhưng chỉ có lời khai ngoài ra không có chứng cứ nào khác chứng minh số tiền bị mất trộm nêu trên và bị cáo chỉ thừa nhận lấy trộm số tiền là 9.300.000đồng. Tại phiên tòa, bị cáo khẳng định chỉ lấy trộm số tiền là 9.300.000đồng, bị hại T cho rằng hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn và cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh bị mất trộm số tiền 25.000.000đồng nên bị hại T thống nhất số tiền bị mất trộm là 9.300.000đồng và chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường lại số tiền 9.300.000đồng nên chấp nhận theo yêu cầu của bị hại T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền mất trộm 9.300.000đồng là phù hợp.

Xét thấy, tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đồng ý bồi thường trách nhiệm dân sự nêu trên, nên buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường số tiền trên lại cho các bị hại là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Đối với bị hại Đỗ Thị Cẩm G trong quá trình điều tra khai bị mất trộm số tiền 4.850.000đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường. Nay, theo đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/12/2022 bị hại G cho rằng chỉ chứng minh được số tiền mất trộm là 2.800.000đồng nên thống nhất theo số tiền mất trộm là 2.800.000đồng và bị hại Giang không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền đã mất trộm nên không xem xét.

Đối với bị hại Nghiêm Tú U không yêu cầu bị cáo T bồi thường số tiền mất trộm 760.000đồng nên không xem xét.

[6] Đối với Hồ Thị Thuý A khai bị mất trộm số tiền 4.500.000đồng, chỉ có lời khai chị A không còn chứng cứ nào khác chứng minh bị cáo T lấy trộm số tiền trên nên không xem xét trong vụ án này. Xét thấy, cần làm rõ số tiền bị mất trộm trên nên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 xe mô tô biển số 66K1-093.97, nhãn hiệu ZINDA, bị cáo T dùng làm phương tiện phạm tội. Quá trình điều tra, xác định xe do Nguyễn Văn C đứng tên sở hữu nhưng C đã bán xe cho người khác cách nay 3 năm, không nhớ bán cho ai, giá bao nhiêu. Bị cáo T khai mua của người lạ, không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, không làm giấy sang tên, giấy xe đã mất. Xét thấy, cần làm rõ nguồn gốc xe mô tô trên nên giao Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục quản lý, xác minh làm rõ xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với Tiền Việt Nam: 500.000 đồng thu giữ của bị cáo T. Xét thấy, tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[8] *Về án phí*: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Tấn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Tấn T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự.

2.1. Buộc bị cáo Lê Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Đào Kim T số tiền 9.300.000đ (Chín triệu, ba trăm nghìn đồng).

2.2. Buộc bị cáo Lê Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Hồng P số tiền 2.700.000đ (Hai triệu, bảy trăm nghìn đồng).

2.3. Buộc bị cáo Lê Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị L số tiền 6.200.000đ (Sáu triệu, hai trăm nghìn đồng).

2.4. Buộc bị cáo Lê Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 2.400.000đ (Hai triệu, bốn trăm nghìn đồng).

2.5. Buộc bị cáo Lê Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị Diệu T số tiền 5.072.000đ (Năm triệu, không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

2.6. Buộc bị cáo Lê Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Huỳnh Thị H số tiền 1.500.000đ (Một triệu, năm trăm nghìn đồng).

2.7. Buộc bị cáo Lê Tấn T có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị Kim T số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

3.1. Giao Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh Đồng Tháp tiếp tục quản lý, xác minh xử lý theo pháp luật: 01 (một) xe mô tô biển số 66K1-

093.97, nhãn hiệu ZINDA, màu xám đen, số khung: 6H108737, số máy FMH-00180737, xe đã qua sử dụng.

3.2. Tiếp tục tạm giữ của bị cáo Lê Tấn T: Tiền Việt Nam 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) để đảm bảo thi hành án.

(Tất cả vật chứng nêu trên Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý).

4. Về án phí: Bị cáo Lê Tấn T thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bị cáo không phải nộp án phí.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện T;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện T;
- Cơ quan THAHS Công an huyện T;
- Nhà tạm giữ Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hứa Quang Thông